

Số: 44 /TB- UBND

Bảo Linh, ngày 09 tháng 8 năm 2022

THÔNG BÁO

**Về việc niêm yết công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021,
xã Bảo Linh**

Kính gửi: - Đảng ủy - HĐND xã Bảo Linh
- Các tổ chức Chính trị - xã hội xã Bảo Linh
- Các Ông (bà) Trưởng xóm trên địa bàn xã Bảo Linh

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số: 03/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của Hội đồng nhân dân xã Bảo Linh về phê chuẩn quyết toán ngân sách xã và phân bổ kết dư ngân sách xã Bảo Linh năm 2021;

Căn cứ Quyết định số: 100 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2022 của UBND xã Bảo Linh về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2021 xã Bảo Linh;

Ủy ban Nhân dân xã Bảo Linh thông báo đến Đảng ủy - HĐND - UB. MTTQ các tổ chức chính trị - xã hội và các ông, bà trưởng xóm một số nội dung như sau:

1. UBND xã thực hiện việc niêm yết công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021, xã Bảo Linh bằng hình thức niêm yết tại trụ sở làm việc, các xóm bản. Gồm các mẫu biểu: Biểu số 116/CKTC-NSNN; Biểu số 117/CKTC-NSNN; Biểu số 118/CKTC-NSNN; Biểu số 119/CKTC-NSNN; Biểu số 120/CKTC-NSNN và thuyết minh báo cáo quyết toán năm 2021.

Thời gian niêm yết: bắt đầu từ 11 giờ ngày 09 tháng 8 năm 2022 đến 11 giờ ngày 08 tháng 11 năm 2022 (90 ngày liên tục).



2. Các ông (bà) Trưởng xóm thông báo trên cụm loa truyền thanh của xóm hoặc tại các buổi họp xóm về hình thức niêm yết và số liệu quyết toán ngân sách năm 2021, xã Bảo Linh để bà con nhân dân được biết.

Trên đây là Thông báo của UBND xã về việc niêm yết công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021, xã Bảo Linh. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội, các bộ phận chuyên môn và các ông, bà trưởng xóm triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Đảng ủy - HĐND
- Các tổ chức chính trị - XH
- 5 ông, bà trưởng xóm;
- Lưu VP, KT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Văn Trường



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ BẢO LINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03 /NQ-HĐND

Bảo Linh, ngày 28 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê chuẩn Tổng quyết toán ngân sách năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ BẢO LINH
KHOÁ XXI, KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Xét tờ trình số 14/TTr-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2022, về việc phê chuẩn tổng quyết toán Ngân sách Nhà nước năm 2021 xã Bảo Linh.

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế Hội đồng nhân dân xã Bảo Linh và ý kiến tham gia của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2021, xã Bảo Linh với các số liệu thu, chi kết dư như sau:

Nội dung	Tổng số tiền
I / Tổng thu ngân sách	6.323.382.697
1. Các khoản thu ngân sách hưởng theo phân cấp	66.479.339
2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.829.903.820

- Bổ sung cân đối	3.668.600.000
- Bổ sung có mục tiêu	2.161.303.820
3. Thu quản lý qua ngân sách (XDCB)	38.300.000
4. Thu kết dư ngân sách năm trước	182.837.338
5. Thu chuyển nguồn ngân sách	205.862.200
II/ Tổng chi ngân sách xã	6.156.402.198
1. Chi đầu tư phát triển	890.037.320
2. Chi thường xuyên	5.230.884.878
3. Chi nộp trả ngân sách	35.480.000
III/ Kết dư ngân sách	166.980.499

Điều 2. Hội đồng nhân dân xã giao Ủy ban nhân dân tổ chức điều hành chi ngân sách kết dư ngân sách bảo đảm hiệu quả và đúng với các quy định của Nhà nước.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã khoá XXI thông qua tại kỳ họp thứ tư ngày 28 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND-UBND huyện (B/c);
- TT. Đảng uỷ - HĐND xã;
- Các Đại biểu HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã ;
- MTTQ, các Đoàn thể (P/h);
- Lưu: VP.



Ma Khánh Tập

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC XÃ BẢO LINH NĂM 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BẢO LINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ vào nghị quyết số: 03/NQ-HĐND ngày 28 tháng 07 năm 2022 của HĐND khóa XXI, tại kỳ họp thứ tư về phê chuẩn Quyết toán ngân sách nhà nước xã Bảo Linh năm 2021;

Theo đề nghị của Ban tài chính xã:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021 xã Bảo Linh, chi tiết cụ thể như sau:

(Theo các biểu chi tiết đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND xã, Ban Tài chính xã các tổ chức, đơn vị liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- TT Đảng ủy;
- TT HĐND xã;
- P.Chủ tịch UBND xã;
- Các ban ngành thuộc xã;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Văn Trường

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	6.323.382.697	TỔNG SỐ CHI	6.156.702.198
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	91.162.000	I. Chi đầu tư phát triển	890.037.320
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	13.617.339	II. Chi thường xuyên	5.230.884.878
III. Thu bổ sung	5.829.903.820	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	0
- Bổ sung cân đối	3.668.600.000		
- Bổ sung có mục tiêu	2.161.303.820		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	182.837.338	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	35.780.000
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	205.862.200		
Kết dư ngân sách	166.680.499		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	5.465.699.538	5.465.699.538	6.323.382.697	6.323.382.697	115,69	115,69
I	Các khoản thu 100%	27.000.000	27.000.000	91.162.000	91.162.000	337,64	337,64
1	Phí, lệ phí	23.000.000	23.000.000	29.512.000	29.512.000	128,31	128,31
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			38.300.000	38.300.000	#DIV/0!	#DIV/0!
8	Thu khác	4.000.000	4.000.000	23.350.000	23.350.000	583,75	583,75
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	14.500.000	14.500.000	13.617.339	13.617.339	93,91	93,91
1	Các khoản thu phân chia	2.500.000	2.500.000	1.800.000	1.800.000	72,00	72,00

	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	2.500.000	2.500.000	1.800.000	1.800.000	72,00	72,00
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất						
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	12.000.000	12.000.000	11.817.339	11.817.339	98,48	98,48
	- Thuế ngoài quốc doanh GTGT	12.000.000	12.000.000	11.817.339	11.817.339	98,48	98,48
	- Thuế thu nhập cá nhân						
	- Tiền sử dụng đất						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	205.862.200	205.862.200	205.862.200	205.862.200	100,00	100,00
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	182.837.338	182.837.338	182.837.338	182.837.338	100,00	100,00
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.035.500.000	5.035.500.000	5.829.903.820	5.829.903.820	115,78	115,78
1	- Thu bổ sung cân đối	4.013.600.000	4.013.600.000	3.668.600.000	3.668.600.000	91,40	91,40
2	- Thu bổ sung có mục tiêu	1.021.900.000	1.021.900.000	2.161.303.820	2.161.303.820	211,50	211,50



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	5.967.037.320	890.037.320	5.077.000.000	6.156.402.198	890.037.320	5.266.364.878	103,17	100,00	103,73
I	Chi đầu tư phát triển	890.037.320	890.037.320	0	890.037.320	890.037.320	0	100,00	100,00	
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	890.037.320	890.037.320		890.037.320	890.037.320		100,00	100,00	
2	Chi đầu tư phát triển khác	0			0					
II	Chi thường xuyên	5.077.000.000	0	5.077.000.000	5.266.364.878	0	5.266.364.878	103,73		103,73
1	Chi giáo dục	0			0					
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0			0					
3	Chi y tế	0			0					
4	Chi văn hóa, thông tin	40.000.000		40.000.000	29.600.000		29.600.000	74,00		74,00
5	Chi phát thanh, truyền thanh	0			0					
6	Chi thể dục thể thao	100.000.000		100.000.000	50.738.000		50.738.000	50,74		50,74
7	Chi bảo vệ môi trường	0			0					
8	Chi các hoạt động kinh tế	0					17.500.000			

<i>Kênh bê tông Suối Háo xóm Khuổi Chao, xã Bào Linh</i>	30/09/2021- 31/11/2021	82.963.108	26.191.828	82.963.108	19.811.280		19.811.280	
<i>Đường liên gia các xóm xã Bào Linh</i>	20/02/2021- 20/04/2021	412.119.118	278.519.118	412.119.118	133.600.000		133.600.000	



QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2021	Giá trị đã thanh toán năm 2021			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		3.691.803.565	1.356.829.845	2.048.168.565	890.037.320	208.682.200	851.737.320	38.300.000
1. Công trình chuyển tiếp		1.643.635.000	147.444.400	0	208.682.200	208.682.200	170.382.200	38.300.000
Đường nội đồng Góc Kéo xóm A Nhi 2, xã Bảo Linh	10/7/2020-22/9/2020	611.939.000			79.665.000	79.665.000	79.665.000	
Đường nội đồng Khu Cuối Thảm Lùa xóm Bảo Biên, xã Bảo Linh	10/7/2020-23/09/2020	626.605.000			81.998.000	81.998.000	81.998.000	
Đường nội đồng Nhà Khoa xóm Bảo Biên, xã Bảo Linh	23/11/2019-05/01/2020	226.321.000	80.985.600		8.719.200	8.719.200	8.719.200	
Đường nội đồng xóm Bảo Hoa 2 (giai đoạn 2) xã Bảo Linh	26/10/2020-05/12/2020	178.770.000	66.458.800		38.300.000	38.300.000	0	38.300.000
2. Công trình khởi công mới		2.048.168.565	1.209.385.445	2.048.168.565	681.355.120	0	681.355.120	
Đường nội đồng Nạ Chú xóm Bảo Biên, xã Bảo Linh	30/09/2021-31/11/2021	97.955.713	26.122.483	97.955.713	34.201.230		34.201.230	
Đường Nội đồng Chợ Bảo Hoa - Đồi Quất, xã Bảo Linh	30/09/2021-31/11/2021	226.644.052	71.786.282	226.644.052	92.965.770		92.965.770	
Đường nội đồng Đồi Trại xóm Bảo Biên, xã Bảo Linh	30/09/2021-31/11/2021	54.813.379	14.593.539	54.813.379	19.275.840		19.275.840	
Đường liên gia các xóm xã Bảo Linh	31/10/2021-31/12/2021	1.173.673.195	792.172.195	1.173.673.195	381.501.000		381.501.000	

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ						
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách				339.097.500	172.582.000	166.515.500
Hoạt động thu hộ - chi hộ				62.144.000	61.082.000	1.062.000
Kinh phí trung tâm học tập cộng đồng	25.000.000	25.000.000	0	25.000.000	25.000.000	0
Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	22.500.000	22.500.000	0	22.500.000	22.500.000	0
Tiền huy hiệu đảng	12.380.000	12.380.000	0	12.380.000	12.380.000	0
Hoỗ trợ tiếp xúc cử tri	1.200.000	600.000	600.000	1.200.000	600.000	600.000
Thuù lao lập danh sách BHYT	1.064.000	602.000	462.000	1.064.000	602.000	462.000
Hoạt động các quỹ công chuyên dùng	276.953.500	111.500.000	165.453.500	276.953.500	111.500.000	165.453.500
Quỹ đền ơn đáp nghĩa	22.050.000	11.950.000	10.100.000	22.050.000	11.950.000	10.100.000
Quỹ bảo trợ trẻ em	26.125.000	14.400.000	11.725.000	26.125.000	14.400.000	11.725.000
Quỹ vì người nghèo	27.839.500	13.150.000	14.689.500	27.839.500	13.150.000	14.689.500
Quỹ nhân đạo	18.913.400	2.000.000	16.913.400	18.913.400	2.000.000	16.913.400
Quỹ xây dựng nông thôn mới	42.240.000	0	42.240.000	42.240.000	0	42.240.000
Quỹ xã hội hóa xây dựng trường mầm non	67.500.000	0	67.500.000	67.500.000	0	67.500.000
Quỹ xã hội hóa xây dựng trường TH	72.285.600	70.000.000	2.285.600	72.285.600	70.000.000	2.285.600
2. Các hoạt động sự nghiệp						
+ Chợ						

+ Bến bãi						
+						
+ ...						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi

Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi



9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.931.152.748		4.554.076.374	4.937.742.878		4.937.742.878	100,13		108,42
10	Chi cho công tác xã hội	230.000.000		230.000.000	80.036.000		80.036.000	34,80		34,80
11	Chi khác									
12	Dự phòng	152.923.626		152.923.626	115.268.000		115.268.000	75,38		75,38
13	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	0								
14	Chi nộp trả ngân sách cấp trên	0			35.480.000		35.480.000			



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **XÃ BẢO LINH NĂM 2021**

I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG

Bảo Linh là xã vùng núi các trung tâm huyện Định Hóa 12 km về phía tây bắc. Xã Bảo Linh có vị trí hết sức quan trọng trong khu vực phòng thủ của huyện Định Hoá, nằm trên hướng phòng thủ quan trọng của huyện. Tình hình chính trị tương đối ổn định, kinh tế - xã hội phát triển. Có diện tích tự nhiên 2.787,06 ha, trong đó đất sản xuất nông, lâm nghiệp chiếm 87 %, còn lại là đất rừng ng, đất thổ cư, đất chuyên dùng, đời sống nhân dân chủ yếu là trồng lúa nước, chăn nuôi, trồng chè, trồng rừng, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ nhỏ lẻ...

- Tình hình nhân dân và các tổ chức chính trị:

Toàn xã có 05 xóm bản gồm 7 dân tộc anh em cùng chung sống, với tổng số hộ là: 650 hộ và 2.601 nhân khẩu. Tổng số hộ hộ nghèo 13,62 % hộ cận nghèo 18,93 %.

Xã có 01 Đảng bộ, có 192 Đảng viên sinh hoạt ở 10 chi bộ. Vai trò lãnh đạo của Đảng được phát huy tốt, Đảng bộ nhiều năm liền đạt trong sạch vững mạnh. Chất lượng hoạt động của các tổ chức quần chúng đạt khá và tốt.

Trong những năm qua Công tác cải cách trên địa bàn xã có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần hoàn thành mục tiêu kinh tế xã hội.

Việc tiếp nhận và quản lý nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện theo đúng Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn. Không sử dụng nguồn ngân sách vốn công trình này sang công trình khác....

Việc chấp hành chế độ kế toán, chế độ tài chính đúng theo Luật ngân sách nhà nước, đảm bảo tính công khai, minh bạch, dân chủ.

II. TÌNH HÌNH NGÂN SÁCH VÀ TÀI CHÍNH CỦA XÃ

1. Thu, chi ngân sách xã:

Mục tiêu và nhiệm vụ kinh tế tài chính trong năm ngân sách của xã là đảm bảo chi lương, phụ cấp, các hoạt động chi thường xuyên đáp ứng các nhiệm vụ chính trị, đảm bảo an ninh - trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Chi xây dựng và sửa chữa các công trình phúc lợi trọng điểm cho nhân dân, xây dựng các cơ sở hạ tầng nhằm đảm bảo các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới, chi hỗ trợ phát triển sản xuất nâng cao đời sống của nhân dân theo các chương trình dự án. Chi đảm bảo công tác xã hội, người có công.

Ngay từ đầu năm UBND xã đã xây dựng dự toán chu, chi ngân sách nhà nước xã Định Biên trình kỳ họp HĐND quyết định.

HĐND đã ra Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2020 của HĐND khóa XIX tại kỳ họp thứ X về phê chuẩn dự toán thu - Chi ngân sách xã Bảo Linh năm 2021; và quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2021. Về việc phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2021. Chỉ đạo các ngành, các đơn vị và các xóm triển khai các văn bản hướng dẫn thu, chi ngân sách năm 2021 đạt hiệu quả cao, Cụ thể một số chỉ tiêu thu đạt kết quả như sau:

*** Tổng thu ngân sách năm 2021 là : 6.323.382.697 đồng.**

Trong đó:

- Thu ngân sách xã hưởng 100%: TH 52.862.000/ KH 27.000.000đ đạt 195,78%.
- Thu ngân sách xã hưởng theo tỷ lệ %: 13.617.339 đồng/14.500.000 đồng đạt 93,91%
- Thu bổ xung từ ngân sách cấp trên: 5.829.903.820 đ/ 5.829.903.820, đạt 100%.
- Thu kết dư NS năm trước : 182.837.338 đồng.
- Thu chuyển nguồn ngân sách: 205.860.200 đồng

Các chỉ tiêu thu thực hiện đều đạt và vượt chỉ tiêu so với kế hoạch giao

*** Tổng chi ngân sách năm 2021 là : 6.156.402.198 đồng .**

- Trong đó chi đầu tư phát triển : 890.037.320 đồng.
- Chi thường xuyên : 5.266.364.878 đồng.
- Chi nộp trả NS cấp trên : 35.480.000 đồng
- Kết dư NS là : 166.980.499 đồng.

Nhìn chung năm 2021 việc đáp ứng các khoản chi đều đảm bảo kịp thời theo chế độ và đúng luật ngân sách nhà nước.

2. Tình hình công nợ :

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
		Tăng	Giảm	
I. các khoản phải thu				
II. Các khoản phải trả				
III. Các khoản thu hộ, chi hộ		124.288.000	122.164.000	2.124.000
1. Các khoản thu hộ		62.144.000	61.082.000	1.062.000
2. Các khoản chi hộ		62.144.000	61.082.000	1.062.000
- Chi tặng huy hiệu đảng		12.380.000	12.380.000	0
- Lập danh sách tham gia		1.200.000	600.000	600.000

BHYT, khác				
- Tiền công tổ thủy nông cấp xã		22.500.000	22.500.000	0
- Kinh phí trung tâm HTCD		25.000.000	25.000.000	0
- Thù lao lập danh sách BHYT		1.064.000	602.000	462.000
IV. Quỹ công chuyên dùng	183.634.500	97.420.000	111.500.000	169.554.500
Quỹ bảo trì đường bộ	2.520.000			2.520.000
Quỹ đền ơn đáp nghĩa	11.950.000	10.100.000	11.950.000	10.100.000
Quỹ bảo trợ trẻ em	15.425.000	10.700.000	14.400.000	11.725.000
Quỹ vì người nghèo	11.909.500	15.930.000	13.150.000	14.689.500
Quỹ xã hội hóa giáo dục	33.900.000	33.600.000		67.500.000
Quỹ xây dựng	72.285.600		70.000.000	2.285.600
Quỹ nhân đạo	7.633.400	11.280.000	2.000.000	16.913.400
Quỹ phát triển rừng	1.581.000			1.581.000
Quỹ xây dựng NTM	26.430.000	15.810.000		42.240.000

3. Tình hình tăng, giảm TSCĐ (nếu có)

4. Phân tích nguyên nhân, kiến nghị đề xuất :

